kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10

*Thời gian làm bài: **50 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 20/08/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: L10.CK1.001

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Một cảm biến dịch chuyển có thể vừa **lệch điểm không** vừa **sai hệ số thang đo**: trong miền làm việc, số chỉ thị và chiều dài thật liên hệ với nhau bởi $r = aL + b$ ($a > 0$ a, b đều chưa biết). Kĩ thuật viên đo lặp ba lần mỗi đối tượng:

Dãy đo	Số chỉ thị (mm)
Chuẩn 0 (không tải): r_0	$0,27$ $0,28$ $0,29$
Chuẩn chiều dài L_S: r_S	$38,07$ $38,08$ $38,09$
Chi tiết cần kiểm: r_X	$28,69$ $28,7$ $28,71$

Chuẩn chiều dài có $L_S = 36$ mm (sai số của chuẩn nhỏ hơn mức hiển thị, bỏ qua). Độ chia nhỏ nhất của cảm biến là $\delta = 0,01$ mm. **Quy ước lập khoảng chỉ thị.** Với mỗi dãy, lấy c là giá trị trung bình, Δ bằng **độ lệch tuyệt đối trung bình cộng nửa độ chia** khoảng chỉ thị là $[c - \Delta; c + \Delta]$. Ba khoảng của ba dãy coi là độc lập. **Quy ước báo cáo và nghiệm thu.** Hai cận của khoảng L_X được làm tròn **hướng ra ngoài** đến $0,01$ mm (cận dưới làm tròn xuống, cận trên làm tròn lên). Chi tiết chỉ được công nhận **đạt** khi **toàn bộ** khoảng ấy nằm trong dung sai $[27; 27,05]$ mm. Báo cáo nào đúng?

A. $L_X \in [27,04; 27,09]$ mm — **đạt** dung sai

B. $L_X \in [27,11; 27,16]$ mm — **không đạt** dung sai

C. $L_X \in [27,04; 27,09]$ mm — **không đạt** dung sai

D. $L_X \in [27,06; 27,07]$ mm — **không đạt** dung sai

Câu 2. Một đoàn tàu bắt đầu từ vận tốc 15 m/s, chuyển động thẳng biến đổi đều với gia tốc 1 m/s^2. Sau 3 s, độ dịch chuyển của một đoàn tàu bằng (làm tròn đến hàng đơn vị).

A. 45 m **B.** 50 m **C.** 54 m **D.** 5 m

Câu 3. Thao tác nào sau đây vi phạm quy tắc an toàn?

A. Cấm hút thuốc trong khu vực này.

B. Kéo dây để rút phích cắm ra khỏi ổ.

C. Khu vực có chất dễ cháy, không mang nguồn lửa lại gần.

D. Bắt buộc đeo kính bảo hộ khi làm việc ở khu vực này.

Câu 4. Một ô tô chạy với tốc độ 18 m/s trên đường rải sỏi. Người lái phản ứng mất $1,5$ s rồi phanh, xe giảm tốc đều với độ lớn gia tốc 4 m/s^2 cho tới khi dừng hẳn. Quãng đường xe đi được từ lúc bắt đầu phanh tới khi dừng bằng

A. $40,5$ m **B.** 81 m **C.** $2,3$ m **D.** 27 m

Câu 5. Trong hệ SI, đơn vị của cường độ sáng là

A. kg **B.** cd **C.** s **D.** mol

Câu 6. Điều kiện cân bằng của một chất điểm là

A. tổng độ lớn của tất cả các lực tác dụng lên nó bằng không.

B. nó đứng yên tại một vị trí xác định.

C. không có lực nào tác dụng lên nó.

D. hợp lực của tất cả các lực tác dụng lên nó bằng không.

Câu 7. Đồ thị vận tốc – thời gian của một vật gồm hai đoạn: từ $(0\ \text{s};\ 5\ \text{m/s})$ tới $(10\ \text{s};\ 11\ \text{m/s})$, rồi giữ nguyên vận tốc $11\ \text{m/s}$ thêm $10\ \text{s}$ nữa. Gia tốc của vật trên đoạn thứ nhất bằng

A. $0,6\ \text{m/s}^2$ **B.** $1,1\ \text{m/s}^2$ **C.** $6\ \text{m/s}^2$ **D.** $80\ \text{m/s}^2$

Câu 8. Hệ quy chiếu gồm những gì?

A. Vật làm mốc gắn với hệ toạ độ, cùng một mốc thời gian và đồng hồ.

B. Chỉ gồm đồng hồ và mốc thời gian.

C. Gồm vật chuyển động và quãng đường nó đi được.

D. Chỉ gồm hệ toạ độ gắn với vật làm mốc.

Câu 9. Trên đồ thị độ dịch chuyển – thời gian, độ dốc của đồ thị cho biết

A. quãng đường vật đi được.

B. độ cao của địa hình mà vật đang đi qua.

C. gia tốc của vật.

D. vận tốc của vật.

Câu 10. Thả rơi tự do một quả bóng từ trạng thái nghỉ. Lấy $g = 10\ \text{m/s}^2$. Sau $5\ \text{s}$, một quả bóng rơi được quãng đường

A. $250\ \text{m}$ **B.** $25\ \text{m}$ **C.** $125\ \text{m}$ **D.** $50\ \text{m}$